

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2022/HSST

Ngày: 24 - 8 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Việt Hà
2. Bà Lò Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Nghị - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 144/2022/TLST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn H**; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 03/6/1988 tại tỉnh B;

Nơi cư trú: Số nhà 10, tổ dân phố 09, phường H, thành phố Đ, tỉnh B

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12 phổ thông; Con ông: Nguyễn Văn H (Đã chết); Con bà: Trần Thị T; Vợ: Nông Thị N; Con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án: 01 tiền án: Ngày 30/6/2017, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Đ xử phạt 36 tháng tù cho hưởng án treo về tội Cưỡng đoạt tài sản, ấn định thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ngày 30/3/2022 bị cáo đã chấp hành xong thời gian thử thách; Tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 14/4/2022, sau đó áp dụng biện pháp tạm giam cho đến ngày xét xử (Có mặt).

2. Họ và tên: **Lê Thanh H**; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 19/6/1984 tại tỉnh B;

Nơi cư trú: tổ dân phố 06, phường T, thành phố Đ, tỉnh B;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12 phổ thông; Con ông: Lê Thanh M; Con bà: Lê Thị N; Vợ: Hoàng Thùy D (Đã ly hôn); Bị cáo có 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 13/4/2022, sau đó áp dụng biện pháp tạm giam cho đến ngày xét xử (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Lò Thị N; Địa chỉ: Bản N, xã T, huyện B, tỉnh B (Vắng mặt);

Chị Tường Thị M; Địa chỉ: Tổ dân phố 06, phường T, thành phố Đ, tỉnh B (Vắng mặt);

Bà Lê Thị N; Địa chỉ: Tổ dân phố 06, phường T, thành phố Đ, tỉnh B (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 13/4/2022, bị cáo Nguyễn Văn H đi xe mô tô biển kiểm soát 27B1-653.54 mượn của chị Tường Thị M đi từ nhà tại tổ dân phố 06, phường T, thành phố Đ đến nhà của bị cáo Nguyễn Văn H tại số nhà 10, tổ dân phố 9, phường H, thành phố Đ để mua hồng phiến sử dụng. H đưa cho H 100.000 đồng, H nhận tiền cất vào túi quần bên phải phía trước đang mặc rồi lấy 02 viên hồng phiến là Methamphetamine có khối lượng 0,19 gam trong lọ nhựa cất trong túi áo khoác treo trong phòng để đồ, gói lại bằng mảnh nilon màu trắng dưới nền nhà đưa cho H. H cầm gói ma túy đi về nhà và trả xe máy cho chị M. Hồi 20 giờ 20 phút cùng ngày, H vào bếp nhà mình lấy 01 ống điều tự chế, 01 bật lửa ga, 01 mảnh giấy bạc chuẩn bị sử dụng 02 viên hồng phiến đang cầm ở lòng bàn tay phải thì bị tổ công tác Công an phường T bắt quả tang và thu giữ vật chứng. Căn cứ vào lời khai của H, hồi 11 giờ 20 phút ngày 14/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn H tại số nhà 10, tổ dân phố 9, phường H, thành phố Đ. Qua khám xét phát hiện và thu giữ trong túi áo khoác màu đen phía trước bên phải treo trong phòng để đồ cá nhân của H có 01 lọ nhựa có nắp đậy màu trắng, bên trong có 06 viên nén màu hồng và 02 viên nén màu xanh là Methamphetamine có khối lượng là 0,76 gam; thu giữ tại chân giường phía đầu giường kê trong phòng 01 ống điều tự chế bằng chai nhựa màu trắng. Ngoài ra, H còn tự giác giao nộp 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng là tiền bán ma túy cho Nguyễn Văn H, 01 điện thoại di động. H khai nhận các viên nén bị thu giữ là Hồng phiến, ngày 11/4/2022 H vào nhà Lò Thị N tại bản N, xã T, huyện B mua của N các viên hồng phiến với giá 1.500.000 đồng, mục đích để sử dụng và bán kiếm lãi. Khi đi về nhà, H cho các viên nén vào lọ nhựa màu trắng cất trong túi áo khoác treo trong phòng để đồ. Từ ngày 11/4/2022 đến ngày 13/4/2022, H đã lấy một số viên hồng phiến trong lọ ra sử dụng

bằng hình thức đốt hút và bán cho H 02 viên, số ma túy còn lại bị Cơ quan công an khám xét và thu giữ cùng các vật chứng liên quan.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng hồi 23 giờ 10 phút, ngày 13/4/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ và kết luận giám định số 543/KL-KTHS ngày 20/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh B kết luận: Mẫu viên nén màu hồng thu giữ của Lê Thanh H gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,19 gam.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng hồi 17 giờ 10 phút, ngày 14/4/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ và kết luận giám định số 545/KL-KTHS ngày 21/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh B kết luận: Mẫu viên nén màu hồng thu giữ của Nguyễn Văn H gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,76 gam.

Tại bản cáo trạng số 91/CT-VKS-TPĐBP ngày 28/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội: Mua bán trái phép chất ma túy, theo quy định tại khoản 1 Điều 251/BLHS, Lê Thanh H về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", bị cáo Lê Thanh H về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52/BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 33 tháng đến 36 tháng tù; Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS, xử phạt bị cáo Lê Thanh H từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47/BLHS, khoản 2 Điều 106/BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy 0,56 gam Methamphetamine (Vật chứng H lại sau giám định), 01 lọ nhựa có nắp đậy màu trắng, 02 ống điều tự chế, 01 bật lửa ga, 01 mảnh giấy bạc, 01 mảnh nilon màu trắng. Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng; Trả lại cho bị cáo H 01 điện thoại di động, 01 sim điện thoại; Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có lời bào chữa nào, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ.

Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của các bị cáo bị truy tố: Trong hai ngày 13 và 14/4/2022, tại số nhà 10, Tổ dân phố 9, phường H, thành phố Đ, Nguyễn Văn H có hành vi cất giấu trái

phép tại nơi ở của mình 0,95 gam Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng và bán kiếm lãi trong đó có 0,19 gam Methamphetamine đã bán cho Lê Thanh H được 100.000 đồng. Khoảng 20 giờ 20 phút, tại số nhà 01, tổ dân phố 06, phường T, thành phố Đ, Lê Thanh H có hành vi cất giấu trái phép 0,19 gam Methamphetamine trên người, mục đích để sử dụng

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa H toàn phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 20 giờ 30 phút ngày 13/4/2022, biên bản khám xét hồi 11 giờ 20 phút ngày 14/4/2022, biên bản niêm phong vật chứng, biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng hồi 23 giờ 10 phút, ngày 13/4/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ và kết luận giám định số 543/KL-KTHS ngày 20/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh B; Biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng hồi 17 giờ 10 phút, ngày 14/4/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ và kết luận giám định số 545/KL-KTHS ngày 21/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh B;

Do đó có đủ cơ sở khẳng định: Hành vi bán trái phép 0,19 gam chất ma túy của bị cáo Nguyễn Văn H cho bị cáo Lê Thanh H và cất giấu 0,76 gam ma túy với mục đích để sử dụng và bán là phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251/BLHS, bị cáo Lê Thanh H tàng trữ trái phép chất ma túy với mục đích để sử dụng là phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, Nguyễn Văn H và Lê Thanh H phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS.

Bị cáo Lê Thanh H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52/BLHS. Đối với bị cáo Nguyễn Văn H: Ngày 30/6/2017, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Đ xử phạt 36 tháng tù cho hưởng án treo về tội Cường đoạt tài sản, ấn định thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ngày 30/3/2022 bị cáo đã chấp hành xong thời gian thử thách, bản án này bị cáo chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này bị cáo thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52/BLHS.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo là hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để các bị cáo có điều kiện cai nghiện, đồng thời để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

[2]. Từ những phân tích trên khẳng định Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251/BLHS, bị cáo Lê Thanh H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS, là H toàn đúng người, đúng tội.

Các bị cáo là người nghiện ma túy, đều nhận thức rõ hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, với khối lượng ma túy mà bị cáo H đã tàng trữ thì mức hình phạt mà đại diện viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với bị cáo H là người đã mua bán trái phép 0,19 gam chất ma túy cho bị cáo Lê Thanh H và cất giấu 0,76 gam ma túy với mục đích để sử dụng và bán. Căn cứ vào khối lượng ma túy, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo thấy rằng: Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là chưa phù hợp, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249/BLHS và khoản 5 Điều 251/BLHS, thì ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của các bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5]. Bị cáo H khai nguồn gốc số ma túy bị thu giữ là mua của Lò Thị N vào ngày 11/4/2022 tại nhà N ở bản N, xã T, huyện B. Tuy nhiên tại cơ quan điều tra, N không thừa nhận hành vi này, cơ quan điều tra không xác minh, làm rõ được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong quá trình điều tra cơ quan điều tra thu giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, trong điện thoại có 01 sim điện thoại, tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định đây là tài sản của bà Lê Thị N, khi bị cáo H dùng điện thoại để gọi cho bị cáo H, bà N không biết, chiếc xe máy nhãn hiệu honda Lead, biển kiểm soát: 27B1- 63554, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Trương Thị M, tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định đây là tài sản của chị Trương Thị M, khi bị cáo H mượn xe đi mua ma túy, chị M không biết, cơ quan điều tra đã tiến hành trao trả các tài sản trên cho chủ sở hữu, xét việc trao trả này là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Vật chứng: Đối với 0,56gam Methamphetamine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), là vật nhà nước cấm tàng trữ, 01 lọ nhựa có nắp đậy màu trắng, 02 ống điều

tự chế bằng vỏ chai nhựa màu trắng, 01 mảnh nilon màu trắng, 01 bật lửa ga nhãn hiệu THỐNG NHẤT, màu vàng, đã qua sử dụng, 01 mảnh giấy bạc, là vật không còn giá trị, cần tịch thu tiêu hủy. 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, do bị cáo H phạm tội mà có, nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S9, màu đen, 01 sim điện thoại số 0967100233, của bị cáo H, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, nên cần trả lại cho bị cáo H.

[7]. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38/BLHS

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38/BLHS.

- Tuyên bố bị cáo Lê Thanh H phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (14/4/2022).

- Xử phạt bị cáo Lê Thanh H 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (13/4/2022).

2. Vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47/BLHS, khoản 2 Điều 106/BLTTHS tịch thu tiêu hủy 0,56 gam Methamphetamine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 01 lọ nhựa có nắp đậy màu trắng, hình trụ tròn, 02 ống điều tự chế bằng vỏ chai nhựa màu trắng, 01 mảnh nilon màu trắng, 01 bật lửa ga nhãn hiệu THỐNG NHẤT, màu vàng đã qua sử dụng, 01 mảnh giấy bạc. Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S9, màu đen, số imei: 353551090725610, đã qua sử dụng kèm 01 sim điện thoại số 0967100233.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh B).

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333/BLTTHS, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người CQLNVLQ;
- VKSNDTPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- Nhà tạm giữ CA TPĐBP;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- HS Thi hành án HS;
- L- u hồ sơ vụ án;
- L- u VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Thúy Thành